

**BẢNG GIÁ CHÊNH LỆCH**  
**GIỮA GIÁ KHÁM CHỮA BỆNH THEO YÊU CẦU VÀ GIÁ KHÁM CHỮA ]**  
**HIỂM Y TẾ**

| STT                           | TÊN DỊCH VỤ                                                                 | GIÁ KCB YÊU CẦU | GIÁ BHYT (TT13) |
|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| <b>KHÁM BỆNH</b>              |                                                                             |                 |                 |
| 1                             | Khám mắt                                                                    | 50,000          | 38,700          |
| 2                             | Đo khúc xạ                                                                  | 40,000          |                 |
| 3                             | Khám lé + Khúc xạ lé                                                        | 90,000          |                 |
| 4                             | Khám trọn gói phẫu thuật Lasik                                              | 500,000         |                 |
| 5                             | Tái khám sau phẫu thuật Lasik                                               | 100,000         |                 |
| 6                             | Khám đặt kính áp tròng (lần 1)                                              | 200,000         |                 |
| 7                             | Khám đặt kính áp tròng (lần 2)                                              | 50,000          |                 |
| 8                             | Lắp đặt kính sát tròng dạng băng mắt                                        | 25,000          |                 |
| 9                             | Khám bệnh nhân điều trị sẹo giác mạc bằng Laser                             | 250,000         |                 |
| 10                            | Khám bệnh nhân rạch giác mạc điều trị loạn thị                              | 250,000         |                 |
| 11                            | Khám theo yêu cầu, chọn bác sỹ/ Khám theo giờ 1080/ Khám ngoài giờ sau 19h) | 200,000         |                 |
| <b>THỦ THUẬT - PHẪU THUẬT</b> |                                                                             |                 |                 |
| 1                             | Cắt u mi cả bề dày không ghép [Cắt u da mi đơn thuần]                       | 1,500,000       | 724,000         |
| 2                             | Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da                           | 2,500,000       | 1,234,000       |
| 3                             | Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da                        | 3,000,000       | 1,234,000       |
| 4                             | Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi                         | 3,500,000       | 1,304,000       |
| 5                             | Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi                          | 3,500,000       | 1,304,000       |
| 6                             | Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đùi...) điều trị sụp mi  | 5,000,000       | 1,304,000       |
| 7                             | Cắt cơ Muller                                                               | 3,000,000       | 1,304,000       |

| STT | TÊN DỊCH VỤ                                                                                          | GIÁ KCB YÊU CẦU | GIÁ BHYT (TT13) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| 8   | Lùi cơ nâng mi                                                                                       | 3,500,000       | 1,304,000       |
| 9   | Vá da tạo hình mi [tạo hình mi đơn giản]                                                             | 2,000,000       | 1,062,000       |
| 10  | Vá da tạo hình mi [tạo hình mi phức tạp không ghép da]                                               | 3,300,000       | 1,062,000       |
| 11  | Phẫu thuật tạo hình nếp mi [1 mắt]                                                                   | 3,000,000       | 840,000         |
| 12  | Lấy di mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi (1 mắt)                        | 3,000,000       |                 |
| 13  | Nâng cung mày (1 mắt)                                                                                | 3,500,000       |                 |
| 14  | Khâu cò mi, tháo cò                                                                                  | 400,000         | 400,000         |
| 15  | Khâu da mi đơn giản                                                                                  | 774,000         | 774,000         |
| 16  | Phẫu thuật quặm [1 mi, gây tê]                                                                       | 1,500,000       | 638,000         |
| 17  | Phẫu thuật quặm tái phát [1 mi, gây tê]                                                              | 2,000,000       | 638,000         |
| 18  | Vá vỡ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc không dùng sụn sườn)                            | 3,500,000       | 3,152,000       |
| 19  | Nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa               | 3,000,000       | 1,040,000       |
| 20  | Nối thông lệ mũi nội soi                                                                             | 5,200,000       | 1,040,000       |
| 21  | Phẫu thuật đặt ống Silicon lệ quản – ống lệ mũi                                                      | 2,000,000       | 1,040,000       |
| 22  | Cắt u hốc mắt có hoặc không mở xương hốc mắt [không mở xương hốc mắt]                                | 2,500,000       | 1,234,000       |
| 23  | Cắt u hốc mắt có hoặc không mở xương hốc mắt [có mở xương hốc mắt]                                   | 5,000,000       | 1,234,000       |
| 24  | Nạo vét tổ chức hốc mắt                                                                              | 4,500,000       | 1,234,000       |
| 25  | Ghép mỡ điều trị lõm mắt                                                                             | 3,000,000       | 854,000         |
| 26  | Nâng sàn hốc mắt                                                                                     | 3,500,000       | 2,756,000       |
| 27  | Cố định tuyến lệ chính điều trị sa tuyến lệ chính                                                    | 1,500,000       | 693,000         |
| 28  | Phẫu thuật lác thông thường [ 1 mắt]                                                                 | 2,500,000       | 740,000         |
| 29  | Phẫu thuật lác thông thường [2 mắt]                                                                  | 4,000,000       | 1,170,000       |
| 30  | Phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt                                        | 3,500,000       | 793,000         |
| 31  | Cắt bỏ túi lệ                                                                                        | 1,500,000       | 840,000         |
| 32  | Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài [cắt bỏ nhãn cầu đơn thuần]                      | 1,600,000       | 740,000         |
| 33  | Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài [cắt bỏ nhãn cầu + ghép mỡ bì/cân cơ thái dương] | 3,000,000       | 740,000         |
| 34  | Mức nội nhãn                                                                                         | 1,600,000       | 539,000         |
| 35  | Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả [tạo cùng đồ đơn thuần]                                        | 2,500,000       | 1,112,000       |
| 36  | Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả [tạo cùng đồ phức tạp]                                         | 4,000,000       | 1,112,000       |

| STT | TÊN DỊCH VỤ                                                                                               | GIÁ KCB YÊU CẦU | GIÁ BHYT (TT13) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| 37  | Điều trị chứng giật cơ mi mắt bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,...)                            | 1,500,000       | 1,116,000       |
| 38  | Tiêm nội nhãn (Kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)                                                        | 1,000,000       | 220,000         |
| 39  | Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá          | 1,800,000       | 1,459,000       |
| 40  | Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá          | 1,800,000       | 963,000         |
| 41  | Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá          | 1,800,000       | 840,000         |
| 42  | Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học               | 1,800,000       | 1,459,000       |
| 43  | Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học               | 1,800,000       | 963,000         |
| 44  | Phẫu thuật mạc tái phát dính mi cầu phức tạp                                                              | 2,500,000       | 1,459,000       |
| 45  | Gọt giác mạc đơn thuần                                                                                    | 800,000         | 770,000         |
| 46  | Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc                                                       | 2,000,000       | 1,249,000       |
| 47  | Cắt u kết mạc không vá                                                                                    | 900,000         | 755,000         |
| 48  | Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép                                                         | 1,200,000       | 1,154,000       |
| 49  | Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc                                            | 1,800,000       | 1,154,000       |
| 50  | Khâu phủ kết mạc                                                                                          | 1,600,000       | 614,000         |
| 51  | Tháo dầu Silicon nội nhãn                                                                                 | 1,000,000       | 793,000         |
| 52  | Cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn                                                                | 4,200,000       | 1,234,000       |
| 53  | Cắt dịch kính, bóc màng trước võng mạc                                                                    | 8,000,000       | 2,943,000       |
| 54  | Cắt dịch kính, khí nội nhãn điều trị lỗ hoàng điểm                                                        | 8,000,000       | 2,943,000       |
| 55  | Cắt dịch kính + laser nội nhãn + lấy dị vật nội nhãn                                                      | 7,200,000       | 1,234,000       |
| 56  | Cắt dịch kính lấy ấu trùng sán trong buồng dịch kính                                                      | 4,200,000       | 1,234,000       |
| 57  | Cắt dịch kính điều trị viêm mủ nội nhãn                                                                   | 4,200,000       | 1,234,000       |
| 58  | Cắt dịch kính điều trị tổ chức hóa dịch kính                                                              | 4,200,000       | 1,234,000       |
| 59  | Cắt dịch kính điều trị tồn lưu dịch kính nguyên thủy                                                      | 4,200,000       | 1,234,000       |
| 60  | Phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn | 8,000,000       | 2,943,000       |

| STT | TÊN DỊCH VỤ                                                                               | GIÁ KCB YÊU CẦU | GIÁ BHYT (TT13) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| 61  | Phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kính điển                                       | 5,000,000       | 2,240,000       |
| 62  | Cắt bè sử dụng thuốc chống chuyển hoá hoặc chất antiVEGF                                  | 3,800,000       | 1,212,000       |
| 63  | Đặt ống Silicon tiền phòng điều trị glôcôm                                                | 5,000,000       | 1,512,000       |
| 64  | Đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (Đặt shunt mini Express)                               | 5,000,000       | 1,512,000       |
| 65  | Đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm                                                | 5,000,000       | 1,512,000       |
| 66  | Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)                                                     | 3,800,000       | 1,092,000       |
| 67  | Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL [Đơn tiêu] | 6,500,000       | 2,654,000       |
| 68  | Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL [Đa tiêu]  | 7,500,000       | 2,654,000       |
| 69  | Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính có hoặc không cố định IOL     | 6,500,000       | 1,970,000       |
| 70  | Đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic IOL)                                                     | 7,000,000       |                 |
| 71  | Laser Excimer điều trị tật khúc xạ                                                        | 10,500,000      |                 |
| 72  | Laer bề mặt điều trị tật khúc xạ                                                          | 10,500,000      |                 |
| 73  | Phẫu thuật Lasik + lão thị hoặc điều trị lão thị                                          | 12,000,000      |                 |
| 74  | Phẫu thuật Lasik tạo vạt bằng Femtosecond Laser (Laser Flap cutting)                      | 20,000,000      |                 |
| 75  | Laser Femtosecond điều trị tật khúc xạ (SMILE)                                            | 32,000,000      |                 |
| 76  | Laser bổ sung sau phẫu thuật lasik                                                        | 1,000,000       |                 |
| 77  | Điều trị sẹo giác mạc bằng Laser (PTK)                                                    | 1,000,000       |                 |
| 78  | Rạch giác mạc điều chỉnh loạn thị (LRI)                                                   | 500,000         |                 |
| 79  | Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi                                                        | 60,000          | 32,900          |
| 80  | Lấy dị vật giác mạc sâu                                                                   | 120,000         | 82,100          |
| 81  | Cắt bỏ chắp có bọc                                                                        | 120,000         | 78,400          |
| 82  | Bơm thông lệ đạo [ 2 mắt]                                                                 | 140,000         | 94,400          |
| 83  | Bơm thông lệ đạo [1 mắt]                                                                  | 70,000          | 59,400          |
| 84  | Rạch áp xe mi                                                                             | 400,000         | 186,000         |
| 85  | Rạch áp xe túi lệ                                                                         | 400,000         | 186,000         |
| 86  | Cắt chỉ sau phẫu thuật lác                                                                | 60,000          | 32,900          |
| 87  | Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi                                                             | 60,000          | 32,900          |
| 88  | Cắt chỉ khâu giác mạc                                                                     | 60,000          | 32,900          |
| 89  | Tiêm dưới kết mạc                                                                         | 50,000          | 47,500          |
| 90  | Lấy dị vật kết mạc                                                                        | 70,000          | 64,400          |
| 91  | Đốt lông xiêu, nhổ lông xiêu                                                              | 50,000          | 47,900          |
| 92  | Bơm rửa lệ đạo                                                                            | 70,000          | 36,700          |

| STT                       | TÊN DỊCH VỤ                                              | GIÁ KCB YÊU CẦU | GIÁ BHYT (TT13) |
|---------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| 93                        | Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc   | 120,000         | 78,400          |
| 94                        | Rửa cùng đồ                                              | 80,000          | 40,800          |
| 95                        | Lấy dị vật giác mạc [DV nông, gây tê]                    | 120,000         | 82,100          |
| 96                        | Lấy calci kết mạc                                        | 60,000          | 35,200          |
| 97                        | Cắt chỉ khâu da mi đơn giản                              | 60,000          | 32,900          |
| 98                        | Cắt chỉ khâu kết mạc                                     | 60,000          | 32,900          |
| 99                        | Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi                              | 60,000          | 35,200          |
| 100                       | Laser điều trị bệnh glaucoma, các bệnh võng mạc (1 mắt)  | 1,000,000       | 406,000         |
| 101                       | Laser điều trị đục bao sau (1 mắt)                       | 700,000         | 257,000         |
| <b>CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH</b> |                                                          |                 |                 |
| 1                         | Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm | 100,000         | 59,100          |
| 2                         | Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)                         | 60,000          | 59,500          |
| 3                         | Chụp OCT bán phần sau nhãn cầu                           | 250,000         | 213,000         |
| 4                         | Chụp đáy mắt không huỳnh quang                           | 250,000         | 213,000         |
| 5                         | Chụp đĩa thị 3D                                          | 500,000         | 337,000         |
| 6                         | Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm                     | 100,000         | 28,800          |
| 7                         | Đo thị trường chu biên                                   | 100,000         | 28,800          |
| 8                         | Chụp mạch ký huỳnh quang                                 | 800,000         | 248,000         |
| 9                         | Chụp Xquang sọ thẳng/nghiêng                             | 110,000         | 97,200          |
| 10                        | Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng                            | 110,000         | 97,200          |
| 11                        | Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng                        | 110,000         | 97,200          |
| 12                        | Chụp Xquang Blondeau [Blondeau + Hirtz]                  | 110,000         | 97,200          |
| 13                        | Chụp Xquang ngực thẳng                                   | 85,000          | 65,400          |
| <b>GÂY Mê</b>             |                                                          |                 |                 |
| 1                         | Gây mê người lớn sử dụng thuốc Sevorane (mở 2 mắt)       | 1,200,000       | 500,000         |
| 2                         | Gây mê người lớn sử dụng thuốc Sevorane (mở 1 mắt)       | 900,000         | 500,000         |
| 3                         | Gây mê trẻ em sử dụng thuốc Sevorane(mở 2 mắt)           | 1,100,000       | 500,000         |
| 4                         | Gây mê trẻ em sử dụng thuốc Sevorane(mở 1 mắt)           | 800,000         | 500,000         |
| 5                         | Gây mê người lớn sử dụng thuốc Foran (mở 2 mắt)          | 650,000         | 500,000         |
| 6                         | Gây mê người lớn sử dụng thuốc Foran (mở 1 mắt)          | 500,000         | 500,000         |
| 7                         | Gây mê trẻ em sử dụng thuốc Foran (mở 2 mắt)             | 550,000         | 500,000         |

**TIỀN GIƯỜNG DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU (1 NGÀY)**

| STT | TÊN DỊCH VỤ              | GIÁ KCB YÊU CẦU | GIÁ BHYT (TT13) |
|-----|--------------------------|-----------------|-----------------|
| 1   | Phòng 2 giường           | 500,000         |                 |
| 2   | Phòng 3-4 giường         | 370,000         |                 |
| 3   | Phòng 5 giường (trở lên) | 270,000         |                 |

**GIÁM ĐỐC**  
**Đã ký**  
**Nguyễn Minh Khải**